TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 436/2017/DS-ST
Ngày: 01/8/2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên
Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2016/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2016 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 923/2017/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1439/2017/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C; địa chỉ trụ sở: Đường B, Phường D, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Đường E, Phường F, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961; cư trú tại: Đường T, phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 758/UQ-QLN.16 ngày 14/12/2016), (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lương Thế A, sinh năm 1979; cư trú tại: Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2016 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 11/3/2011, bà Lương Thế A ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần C (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần C– các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Ngày 05/4/2011, Ngân hàng Thương mại cổ phần C đồng ý cấp thẻ tín dụng số 4791 3926 0001 3763 cho bà Lương Thế A với hạn mức sử dụng là 33.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, hiệu lực thẻ đến tháng 4/2014.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Lương Thế A đã thực hiện các giao dịch rút tiền mặt và mua hàng với tổng số tiền là 64.503.820 đồng. Do bà Lương Thế A không thanh toán đúng hạn số tiền qua các lần giao dịch nên phát sinh lãi suất trong hạn là 17.788.965 đồng, phạt chậm trả là 1.688.682 đồng, phí thẻ là 1.690.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Lương Thế A đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền 82.200.000 đồng, sau đó bà Lương Thế A không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng nữa.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Lương Thế A đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Ngân hàng Thương mại cổ phần C đã nhiều lần nhắc nhở bà Lương Thế A trả nợ còn lại nhưng bà Lương Thế A vẫn không trả. Do bà Lương Thế A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 23/9/2013, Ngân hàng Thương mại cổ phần C đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Theo đối chiếu bản sao kê sử dụng thẻ tín dụng, bà Lương Thế A còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần C tổng số tiền 19.449.573 đồng (trong đó nợ gốc là 3.471.467 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.978.106 đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần C khởi kiện bà Lương Thế A và yêu cầu bà phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C các khoản nợ tính đến ngày 01/8/2017 như sau:

- Nợ gốc: 3.471.467 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 15.978.106 đồng;

Tổng cộng nợ gốc và lãi là: 19.449.573 đồng.

Kể từ ngày 02/8/2017, bà Lương Thế A vẫn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/3/2011 cho đến ngày bà Lương Thế A thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng Thương mại cổ phần C, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng 11/3/2011.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập bà Lương Thế A tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà Lương Thế A không đến, do đó Tòa án không lấy lời khai của bà Lương Thế A cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ngân hàng Thương mại cổ phần C đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với bà Lương Thế A theo như nội dung vụ án đã trình bày, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Lương Thế A có vay tiền qua sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần C có giấy đề nghị kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, do đó có cơ sở xác định giữa bà Lương Thế A và Ngân hàng Thương mại cổ phần C có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bà Lương Thế A không trả tiền đúng hạn nên Ngân hàng Thương mại cổ phần C khởi kiện. Bà Lương Thế A cư trú tại Quận Z. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Về người tham gia tố tụng: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C là ông Nguyễn Văn Hải có mặt. Bị đơn bà Lương Thế A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lương Thế A.

[2].Về yêu cầu của các đương sự:

Đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) ngày 11/3/2011 được ký giữa bà Lương Thế A với Ngân hàng Thương mại cổ phần C cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật, nội dung mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Ngân hàng Thương mại cổ phần C đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Lương Thế A với hạn mức sử dụng là 33.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Lương Thế A đã thực hiện các giao dịch rút tiền mặt và mua hàng với tổng số tiền là 64.503.820 đồng. Do bà Lương Thế A không thanh toán đúng hạn số tiền qua các lần giao dịch nên phát sinh lãi suất trong hạn là 17.788.965 đồng, phạt chậm trả là 1.688.682 đồng, phí thẻ là 1.690.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Lương Thế A đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền 82.200.000 đồng, sau đó bà Lương Thế A không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng nữa. Ngân hàng Thương mại cổ phần C đã nhiều lần nhắc nhở bà Lương Thế A trả nợ còn lại nhưng bà Lương Thế A vẫn không trả. Do bà Lương Thế A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 23/9/2013, Ngân hàng Thương mại cổ phần C đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Như vậy, bà Lương Thế A đã vi phạm về thời hạn thanh toán theo như thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ là có căn cứ. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày 01/8/2017 là 19.449.573 đồng (trong đó: Nợ gốc là 3.471.467 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.978.106 đồng); kể từ ngày 02/8/2017, lãi vẫn tiếp tục phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/3/2011 cho đến ngày bà Lương Thế A thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần C, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 11/3/2011.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Trường*

hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thì áp dụng theo quy định của Luật này", theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*". Do vậy, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận.

Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất và phí của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/3/2011 mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật. Do bà Lương Thế A vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định trong hợp đồng gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Ngân hàng Thương mại cổ phần C khởi kiện, yêu cầu thu hồi nợ là có cơ sở pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C. Cần buộc bà Lương Thế A phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C tổng số tiền nợ tính đến ngày 01/8/2017 là 19.449.573 đồng (trong đó: Nợ gốc là 3.471.467 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.978.106 đồng); kể từ ngày 02/8/2017, bà Lương Thế A vẫn tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến ngày bà Lương Thế A thanh toán hết nợ vay theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần C, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 11/3/2011; thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C được chấp nhận nên bà Lương Thế A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 972.479 đồng đối với khoản nợ mà bà Lương Thế A phải trả là 19.449.573 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 434.483 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C theo biên lai thu số AA/2016/0016401 ngày 11/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150 Điều 177, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b

khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 361, 305, 471, Điều 474 , 468 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

- Buộc bà Lương Thế A phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 01/8/2017 là 19.449.573 (Mười chín triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm bảy mươi ba) đồng theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần C– các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) ngày 11/3/2011, trong đó nợ gốc là 3.471.467 (Ba triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn bốn trăm sáu mươi bảy) đồng, nợ lãi quá hạn là 15.978.106 (Mười lăm triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn một trăm lẻ sáu) đồng.

Kể từ ngày 02/8/2017, bà Lương Thế A phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C tiền lãi suất phát sinh trên số tiền còn nợ tính đến ngày bà Lương Thế A trả hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/3/2011 (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần C– các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng).

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lương Thế A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 972.479 (Chín trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi chín) đồng đối với khoản nợ mà bà Lương Thế A phải trả là 19.449.573 (Mười chín triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm bảy mươi ba) đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần C được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 434.483 (Bốn trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi ba) đồng theo biên lai thu số AA/2016/0016401 ngày 11 tháng 7 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Lương Thế A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND quận Gò Vấp;
- Thi hành án DS quận gò Vấp;
- Các đương sự
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Tám